ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN BẮC BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
TỈNH THANH HÓA
Số: TVHD-04/THOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 4 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI TỈNH THANH HÓA

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Trong tháng mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần. Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng ngọt) mực nước dao động theo điều tiết từ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi. Hạ lưu sông Yên và vùng cửa sông ven biển dao động theo thủy triều.

Mực nước trung bình tháng phổ biến ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ, riêng hạ lưu sông Mã tại TV Lý Nhân, sông Chu tại TV Xuân Khánh, sông Bưởi ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Lưu lượng dòng chảy trung bình tháng trên sông Mã tại trạm TV Mường Lát là 112m^3/s, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 48.0%, cao hơn cùng kỳ năm 2025 là 83.0%; tại trạm TV Cẩm Thủy là 182m^3/s, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 39.0%, cao hơn cùng kỳ năm 2025 là 15.0%. Trên sông Chu tại trạm TV Cửa Đạt là 65.2m^3/s, thấp hơn so với TBNN cùng kỳ là 7.0%, cao hơn cùng kỳ năm 2025 là 1.0%.

Tình hình hồ chứa:

Mực nước tại các hồ đập lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tính đến thời điểm 7h/01/4 tại một số hồ như sau: Hồ Trung Sơn ở mức 155.32m, thấp hơn so với MNDBT là 4.68m, đạt 83.8% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Cửa Đạt ở mức 101.01m, thấp hơn MNDBT là 8.99m, đạt 76.2% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Hủa Na (tỉnh Nghệ An) ở mức 230.06m, thấp hơn so với MNDBT là 9.94m, đạt 66.7% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Sông Mực ở mức 31.42m, thấp hơn MNDBT là 1.58m, đạt 81.7% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Yên Mỹ ở mức 17.30m, thấp hơn MNDBT là 3.06m, đạt 77.5% so với dung tích được tích.

2. Dự báo, cảnh báo

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi): Mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng sông không ảnh hưởng triều) dao động theo điều tiết từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

Mực nước lớn nhất tháng có khả năng xuất hiện vào thời kỳ đầu tháng, mực nước nhỏ nhất tháng có khả năng xuất hiện vào thời kỳ cuối tháng, mực nước trung bình tháng tại các trạm hạ lưu sông Mã, sông Chu, sông bưởi ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: dao động theo thủy triều.

Mực nước lớn nhất và nhỏ nhất tháng xuất hiện vào thời kỳ cuối tháng; mực nước trung bình tháng ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ.

Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Đề phòng có khả năng xảy ra xâm nhập mặn ở vùng cửa sông ven biển.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Xâm nhập mặn có khả năng gây ra thiếu nước cục bộ cho sinh hoạt, tưới tiêu và sản xuất nông nghiệp tại một số thời điểm do xâm mặn lấn sâu vào vùng Cửa sông ven biển.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h55 ngày 01/5/2026

Tin phát lúc: 15h55 ngày 01/4/2026

Dự báo viên: Nguyễn Danh Lam

GIÁM ĐỐC

CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Văn Minh

Phụ lục 1: Bảng đặc trưng mực nước thực đo và dự báo các trạm tháng 04/2026

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo tháng trước			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Đặc trưng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Mã	Mường Lát	16396	16420	16367	16395	16420	16370	16388	16410	16365	16390	16400	16360	16391	16420	16360
Mã	Hồi Xuân	5388	5419	5343	5389	5415	5335	5385	5410	5340	5383	5405	5335	5386	5415	5335
Mã	Cẩm Thủy	1173	1265	1129	1175	1265	1120	1170	1255	1122	1172	1250	1120	1172	1265	1120
Mã	Lý Nhân	157	228	115	160	227	110	155	220	105	157	215	100	157	227	100
Mã	Giàng	49	188	-100	50	165	-80	45	175	-90	47	185	-95	47	185	-95
Mã	Quảng Châu	25	161	-132	20	155	-110	15	155	-120	17	160	-130	17	160	-130
Lèn	Lèn	89	230	-50	90	210	-30	85	215	-35	87	225	-45	87	225	-45
Lèn	Cụ Thôn	78	218	-57	75	200	-45	69	205	-50	71	215	-55	72	215	-55
Âm	Lang Chánh	4684	4694	4679	4681	4695	4678	4682	4695	4679	4681	4693	4678	4681	4695	4678
Chu	Cửa Đạt	2721	2757	2656	2710	2765	2635	2708	2755	2655	2710	2750	2650	2709	2765	2635
Chu	Bái Thượng	1077	1126	1014	1060	1135	1010	1055	1128	1015	1059	1124	1010	1058	1135	1010
Chu	Xuân Khánh	110	183	62	102	160	60	95	160	65	97	150	60	98	160	60
Bưởi	Thạch Quảng	651	686	635	646	655	635	642	660	640	642	650	635	643	660	635
Bưởi	Kim Tân	201	238	181	200	215	175	195	220	180	185	210	175	193	220	175
Yên	Chuối	43	113	-38	40	95	-30	35	95	-35	37	105	-40	37	105	-40
Yên	Ngọc Trà	24	138	-104	25	120	-95	19	120	-100	21	130	-105	22	130	-105

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm

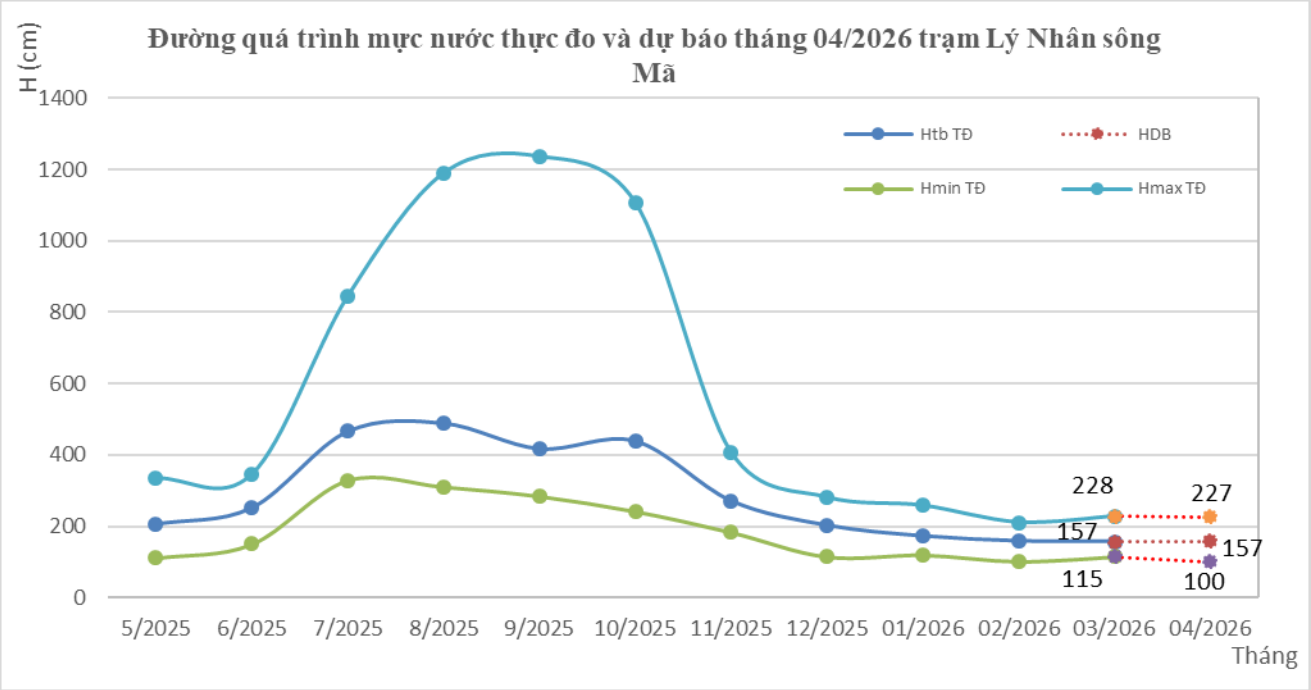

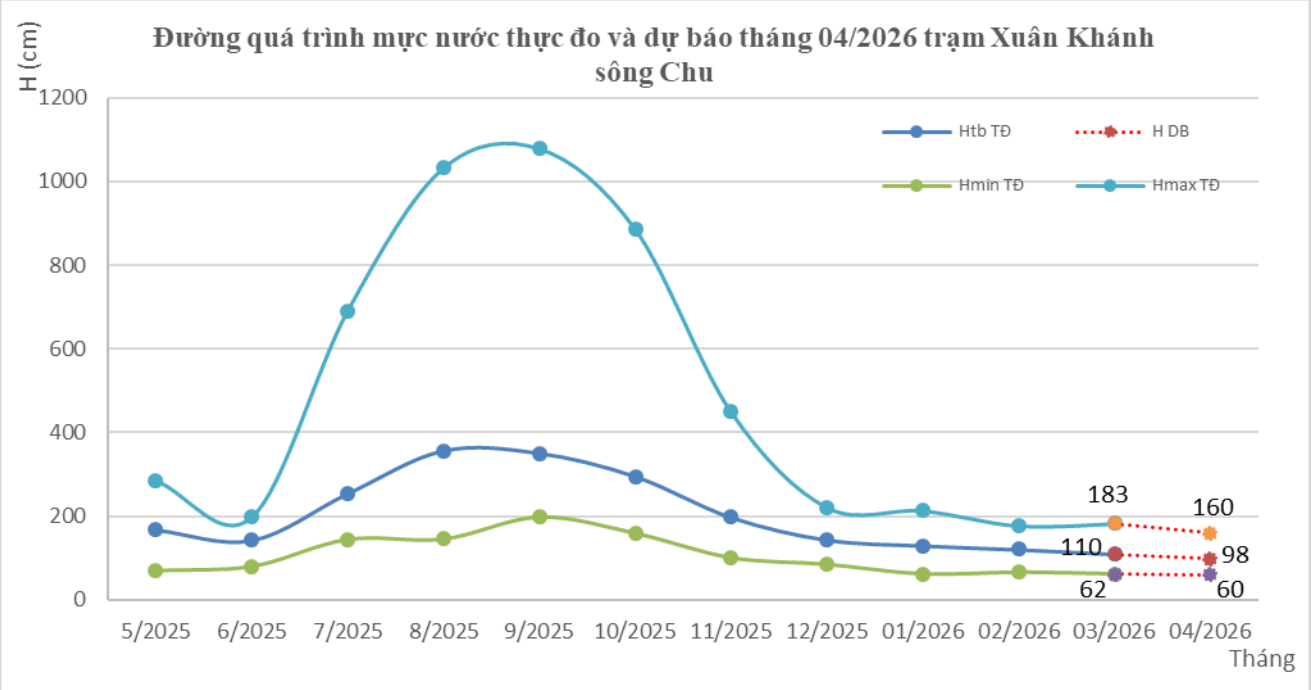

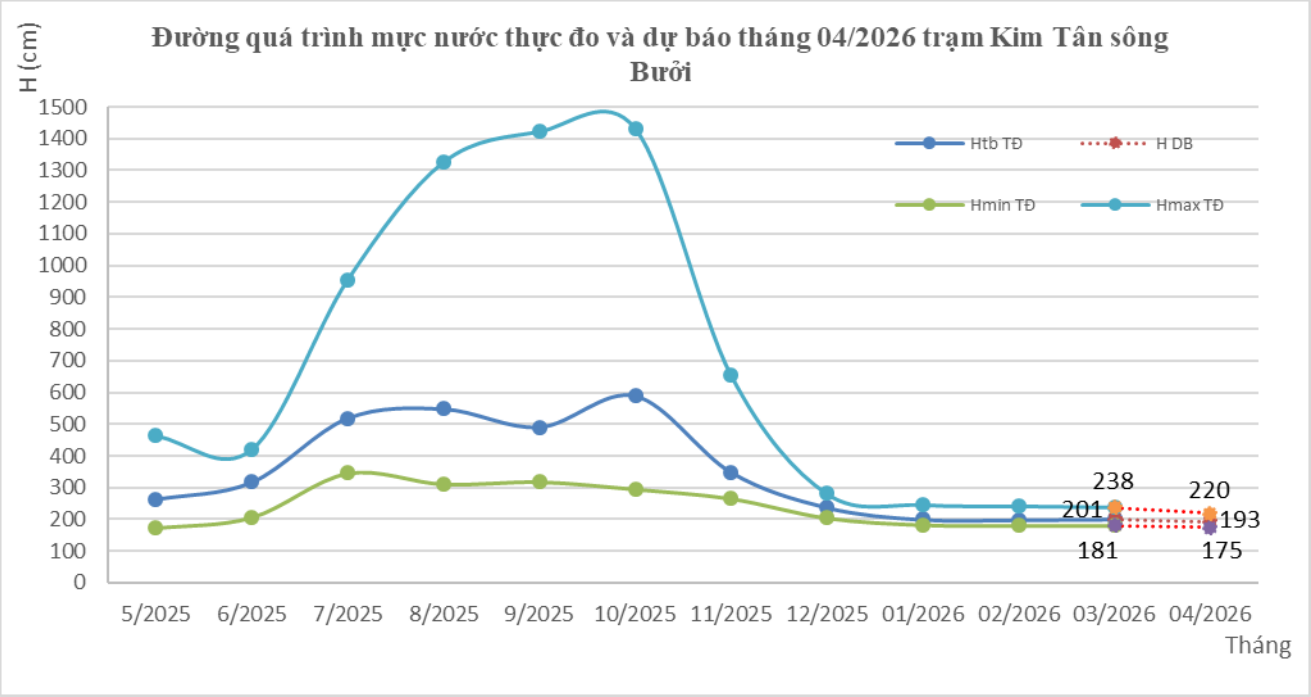
Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo tháng 04/2026 trạm Kim Tân sông Bưởi
H (cm)
1500
1400
1300
1200
1100
1000
900
800
700
600
500
400
300
200
100
0
Htb TĐ
H DB
Hmin TĐ
Hmax TĐ
238
201
181
220
193
175
5/2025
6/2025
7/2025
8/2025
9/2025
10/2025
11/2025
12/2025
01/2026
02/2026
03/2026
04/2026
Tháng

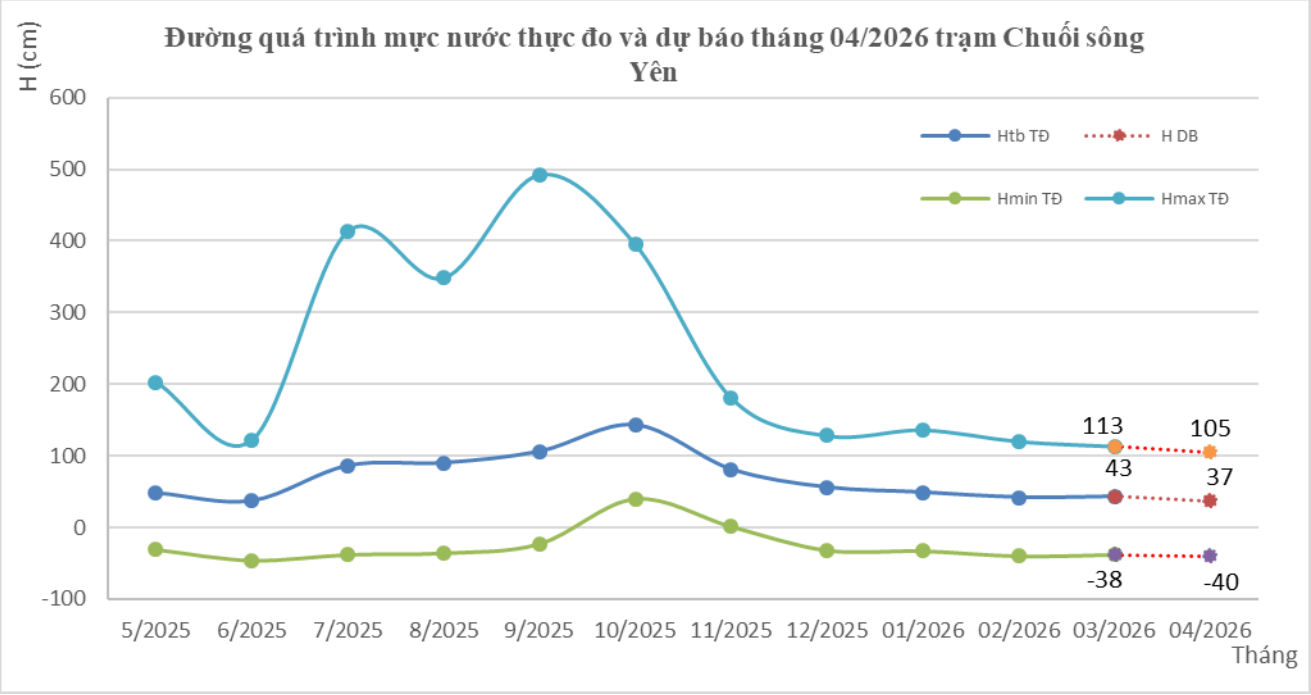
Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo tháng 04/2026 trạm Chuối sông Yên
H (cm)
600
500
400
300
200
100
0
-100
Htb TĐ
H DB
Hmin TĐ
Hmax TĐ
113
43
-38
105
37
-40
5/2025
6/2025
7/2025
8/2025
9/2025
10/2025
11/2025
12/2025
01/2026
02/2026
03/2026
04/2026
Tháng